

Hai Bà Trưng, ngày 12 tháng 11 năm 2020

Số: 452/2020/QĐST- VHNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 707/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lưu Quang M, sinh năm 1958; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số 22 phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Và: Chị Đào Thị Y, sinh năm 1987; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số 22 phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Y và anh Lưu Quang M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội ngày 18/09/2015. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2].Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lưu Tuấn K, sinh ngày 31/8/2012 và Lưu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/11/2016. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Lưu Tuấn K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Hoàng Bảo T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3].Về tài sản chung, nhà đất, công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh M tự nguyện chịu cả.

[5].Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[6]. Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lưu Quang Minh và chị Đào Thị Yên;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Quang M và chị Đào Thị Y xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lưu Tuấn K, sinh ngày 31/8/2012 và Lưu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/11/2016. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh chị thống nhất thoả thuận giao con chung Lưu Tuấn K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác; giao con chung Lưu Hoàng Bảo T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Lưu Quang M tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng anh đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0003654 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Thi hành án dân sự Q. Hai Bà Trưng;
- UBND phường T, Q. H, TP. Hà Nội; (ĐKKH số 124 ngày 18/9/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Tiến

